



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.03169**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : NEW HOPE VITAMIN FFV318  
**Số lượng/ khối lượng** : 84 bao/2.100 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : New Hope Singapore Premix Pte Ltd. (Singapore)  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : NHSP202506-05 ngày 10/6/2025  
Hóa đơn số : 111110001909 ngày 01/7/2025  
Vận đơn số : COAU7260485590  
Ngày sản xuất : 07/7/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 5117/HQ-GDK-TTKN ngày 10/7/2025  
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250037417)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH THỨC ĂN THỦY SẢN NEWHOPE ĐỒNG THÁP**  
Địa chỉ: Lô I3-I5, Khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, ấp Khánh Hòa, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 1966 /QĐ-TTKN  
Ngày 06 tháng 8 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Hà Thanh Tùng**





CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**Số: HQ.3K.25.03170**

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : NEWHOPE ANIMAMIN FFM316  
**Số lượng/ khối lượng** : 550 bao/13.750 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : New Hope Singapore Premix Pte Ltd. (Singapore)  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : NHSP202506-05 ngày 10/6/2025  
Hóa đơn số : 111110001909 ngày 01/7/2025  
Vận đơn số : COAU7260485590  
Ngày sản xuất : 07/7/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 5117/HQ-GDK-TTKN ngày 10/7/2025  
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250037417)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY TNHH THỨC ĂN THỦY SẢN NEWHOPE ĐỒNG THÁP**  
Địa chỉ: Lô I3-I5, Khu C mở rộng, KCN Sa Đéc, ấp Khánh Hòa, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKH-CN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**Quyết định chứng nhận**

Số: 1966 /QĐ-TTKN  
Ngày 06 tháng 8 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



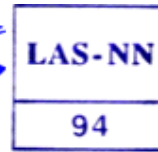
**Ma Thanh Tùng**





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
TRUNG TÂM VÙNG I

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 078 291 7168  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
*ANALYTICAL REPORT*  
Số/No.: 10430/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Hoàng Văn Sứy  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Hoàng Văn Sứy  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 29282508105  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 01/08/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 01/08/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                  | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|---------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| New Hope Animamin<br>FFM316<br>(BNNPTNT292500374<br>17) | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                                         | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | 5,07               | TCVN 9588:2013                  |
|                                                         | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | <0,15              | TCVN 9588:2013                  |
|                                                         | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |

*[Signature]*

Cần Thơ, ngày/date: 05/08/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

*[Signature]*

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 10429/2025/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Hoàng Văn Sứy

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Hoàng Văn Sứy

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn bổ sung dùng trong nuôi trồng thủy sản

Mã số mẫu/Sample code : 29282508104

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 01/08/2025

Ngày phân tích/Analysing date : 01/08/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                 | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|--------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|---------------------------------|
| New Hope Vitamin<br>FFV318<br>(BNNPTNT292500374<br>17) | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                   |
|                                                        | Chì (Pb)                               | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | TCVN 9588:2013                  |
|                                                        | Cadimi (Cd)                            | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | TCVN 9588:2013                  |
|                                                        | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                   |
|                                                        | Escherichia coli (*)(**)               | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                |
|                                                        | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 05/08/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



## Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.